

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HS-ST

Ngày 29/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chắt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 23 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

- Nguyễn Hữu H, sinh ngày 10/4/1991 tại thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Đỗ Thị H1; vợ là Hoàng Thị L (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

- Bị hại: Chị Hoàng Thị L, sinh ngày 27/6/2002; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; địa chỉ hiện nay: Trung Quốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Lương Thị H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Người làm chứng: Bà Đỗ Thị H1. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 05/2016, Nguyễn Hữu H làm nghề lái máy xúc thuê ở khu đất bãi thuộc thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình lái máy xúc, H nhặt được một tờ giấy bên trên có ghi số điện thoại cùng dòng chữ “*Em yêu anh, nhắn tin cho em*”. Sau đó, H dùng điện thoại nhắn tin nói chuyện với người có số điện thoại ghi trên tờ giấy, thì xác định người đó là Hoàng Thị L, sinh ngày 27/6/2002, trú tại thôn B, xã T, thị xã K. Khoảng 01 tuần sau, H không nhớ ngày, vào khoảng 21 giờ, H nhận được tin nhắn của L nhờ chở xuống nhà bạn ở phường L, thị xã K chơi. H đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu xanh (không nhớ BKS) từ nhà đến đón L tại đoạn đường T rồi chở đến phường L, nhưng do không gặp được bạn nên H và L quay về. Trên đường về, H rủ L vào nhà nghỉ N1 ở thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương để tâm sự, L đồng ý. H thuê phòng 201 rồi cùng L vào phòng, lên giường nằm ôm nhau và quan hệ tình dục, đến khoảng 2 giờ sáng ngày hôm sau thì H chở L về nhà. Khoảng tháng 11/2016, L phát hiện mình mang thai, đến ngày 04/02/2017 thì sinh con và đặt tên là Hoàng Đức M, còn H vào miền N lái máy xúc thuê. Do thấy L mang thai và sinh con khi chưa đủ 16 tuổi mà không biết ai là cha của cháu M nên bà Lương Thị H2, sinh năm 1976, trú tại thôn B, xã T, thị xã K (là mẹ đẻ của L) đã hỏi L thì được L cho biết L quan hệ tình dục với H và anh Hứa Mạnh Đ, sinh năm 1994, trú tại thôn L, xã K (nay là xã K), huyện K, tỉnh Hải Dương nhiều lần vào thời gian khoảng tháng 5/2016. Sau khi nghe L kể lại sự việc, bà H2 đã đến gia đình H và Đ để nói chuyện nhưng H và anh Đ không thừa nhận việc đã quan hệ tình dục với L. Do vậy, bà H2 đã làm đơn tố cáo gửi Công an huyện K.

Tháng 09/2017, gia đình H đưa cháu M đi giám định ADN, kết quả cháu M là con của H và L. Ngày 25/9/2017, gia đình H đón L và cháu M về sinh sống cùng. Quá trình chung sống, H và L tiếp tục quan hệ tình dục khiến L có thai và sinh con thứ hai là cháu Nguyễn Linh N, sinh ngày 10/12/2018, khi L mới 16 tuổi 5 tháng 13 ngày. Đến năm 2020, khi L đủ 18 tuổi, H và L đến UBND phường L, thị xã K đăng ký kết hôn và làm thủ tục đổi tên cho cháu Hoàng Đức M thành Nguyễn Hữu Minh K. Đến năm 2023, H và L ly hôn. Ngày 14/01/2024, chị L xuất cảnh sang Trung Quốc qua cửa khẩu H3 bằng hộ chiếu P02764830, đến nay chưa nhập cảnh Việt Nam. Ngày 02/10/2024, Nguyễn Hữu H đến Công an huyện K đầu thú.

Tại Bản kết luận giám định số 7783/KL-KTHS, ngày 29/10/2024 của V -

Bộ C kết luận: Nguyễn Hữu H và cháu Nguyễn Hữu Minh K có quan hệ huyết thống cha đẻ - con đẻ với nhau.

Tại Bản kết luận giám định số 9302/KL-KTHS, ngày 31/12/2024 của V - Bộ C kết luận: Nguyễn Hữu H (có kiểu gen (ADN) lưu theo Kết luận giám định số 7783 ngày 29/10/2024) và Nguyễn Linh N, sinh ngày 10/12/2018 có quan hệ huyết thống cha đẻ - con đẻ với nhau.

Giấy khai sinh của chị Hoàng Thị L số 59, đăng ký ngày 22/7/2002 xác định: Chị L sinh ngày 27/6/2002; Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Hữu Minh K số 23; Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Linh N số 140, đều do UBND phường L, thị xã K cấp, thể hiện: cháu K sinh ngày 04/02/2017, cháu N sinh ngày 10/12/2018.

Tại Cáo trạng số: 18/CT-VKSHD-P2 ngày 19/3/2025, Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Hữu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo được trở về địa phương chăm sóc các con nhỏ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Quyết định trả tự do cho bị cáo H ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ một ngày trong tháng 05/2016, tại nhà nghỉ N1 ở thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Hữu H đã thực hiện hành vi giao cấu với Hoàng Thị L, sinh ngày 27/6/2002 (thời điểm này L khoảng 14 tuổi) làm L có thai và sinh cháu Hoàng Đức M (sau đổi tên thành Nguyễn Hữu Minh K) vào ngày 04/02/2017. Ngày 25/9/2017, sau khi L về gia đình H sinh sống ở thôn B, xã T, thị xã K, H tiếp tục có hành vi giao cấu với L (thời điểm này L khoảng 15 tuổi 10 tháng), làm L có thai và sinh cháu Nguyễn Linh N vào ngày 10/12/2018.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Mặc dù, bị cáo và bị hại có sự đồng thuận trong quan hệ tình dục nhưng bị hại còn đang ở trong độ tuổi đủ từ 13 đến dưới 16 tuổi; bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với bị hại và làm bị hại có thai. Do vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu H đã đủ yếu tố cấu thành vào tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Làm nạn nhân có thai*” được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương quyết định truy tố bị cáo H về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngày 02/10/2024, bị cáo đến Công an huyện K đầu thú; có bố đẻ là

người có công với cách mạng được hưởng chế độ bệnh binh nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của bị hại là người dưới 16 tuổi nên cần áp dụng hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi thường trú rõ ràng; sau khi bị cáo và chị L ly hôn, chị L bỏ đi Trung Quốc, bị cáo phải nuôi dưỡng các con nhỏ, trong đó cháu Hoàng Đức M bị bệnh chậm phát triển tâm thần. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với hành vi Nguyễn Hữu H và chị Hoàng Thị L chung sống với nhau từ năm 2017, khi chị L chưa đủ tuổi kết hôn, vi phạm Luật Hôn nhân gia đình, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không xem xét là phù hợp.

[10] Đối với Hứa Mạnh Đ không thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị Hoàng Thị L nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Quyết định trả tự do cho bị cáo H ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu H cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 – TAND tối cao;
- CQCSĐT, CQTHAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VP, Tòa HC; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất